TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2018/DS-PT
Ngày: 03- 4 - 2018
V/v tranh chấp "Thừa kế Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

Các Thẩm phán: Ông **Phan Văn Huyện**.

Ông **Võ Trung Hiếu**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 28 tháng 3 đến ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công kH vụ án thụ lý số: 10/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2017/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1949 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, Chi nhánh Văn phòng luật sư Gia Quang Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1974 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 07/01/2017) (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Long Thạnh, xã Long A, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quann:*

1/- Ông **Hồ Văn H**, sinh năm 1941 (Vắng mặt);

2/- Bà **Hồ Thị H**, sinh năm 1952 (Vắng mặt);

3/- Ông **Hồ Văn T**, sinh năm 1956 (Có mặt);

4/- Bà **Ngô Thị G**, sinh năm 1964 (Có mặt);

5/- Chị **Nguyễn Hồ T**, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

6/- Anh **Hồ Duy T**, sinh năm 1990;

7/- Chị **Hồ Thị Cẩm T**, sinh năm 1993;

8/- Chị **Hồ Thị K**, sinh năm 1988;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quann: Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1964 là đại diện theo uỷ quyền của Anh T, chị T, chị K (Văn bản uỷ quyền ngày 22/6/2015) (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Hồ Thị X; Bị đơn Hồ Văn L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Hồ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

* *Nguyên đơn bà **Hồ Thị X** trình bày*: Cha mẹ của bà là cụ Hồ Văn L (Sinh năm 1918; Chết năm 2011) và cụ Trần Thị Ban (Sinh năm 1918; Chết năm 2011). Cụ L, cụ Ban có 05 người con gồm ông Hồ Văn H (Sinh năm 1941), bà Hồ Thị X (Sinh năm 1949), bà Hồ Thị H (Sinh năm 1952), ông Hồ Văn T (Sinh năm 1956) và ông Hồ Văn L (Sinh năm 1964).

Lúc còn sống cụ L, cụ Ban có tạo lập được phần đất diện tích 10.385,6m^2, đất vườn, thuộc thửa số 159, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Hồ Văn L vào ngày 13/02/2006. Trong thửa đất này

có một công rưỡi (theo đo đạc thực tế 1.627,5m^2) mà cụ L, cụ Ban đã cho bà Hồ Thị H và bà H đã chuyển nhượng lại cho bà. Đồng thời cụ L, cụ Ban cũng có cho ông L phần đất diện tích 2.000m^2, cả H phần đất chưa làm thủ tục sang tên nhưng việc sang nhượng và cho đất này tất cả các Anh, chị, em trong gia đình đều biết. Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên do ông L cất giữ và ông L đang quản lý tất cả đất và nhà cửa.

Nay bà yêu cầu ông L và các đồng thừa kế của cụ L, cụ Ban phải chuyển quyền sử dụng đất mà bà đã nhận chuyển nhượng của bà Hồ Thị H có diện tích 1.627,5m^2 nằm trong phần đất có diện tích 10.385,6m^2 thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Hồ Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tách quyền sử dụng đất cho ông L 2.000m^2; Còn lại bano nhiêu bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho 05 người con của của cụ L, cụ Ban. Bà yêu cầu được nhận đất. Đối với căn nhà trên đất bà không tranh chấp.

* *Bị đơn ông **Hồ Văn L** trình bày*: Ông thống nhất với bà X về họ, tên cha mẹ và các Anh, chị, em trong gia đình.

Về tài sản cụ L, cụ Ban tạo lập được là 20 công đất tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Lúc còn sống cụ L, cụ Ban đã chia cho bốn Anh, chị của ông mỗi người ban công đất và chuyển nhượng một công. Còn lại phần đất có diện tích 10.385,6m^2 thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 17 do ông L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông cưới vợ, cụ L cho ông H công đất. Ngoài ra, cụ L có cho bà H một công rưỡi đất và bà H đã chuyển nhượng cho bà X. Cả H phần đất này đều thuộc thửa đất nêu trên và chưa được sang tên. Khi cụ L hết tuổi lao động thì cụ L giao toàn bộ đất cho vợ chồng ông làm để lo cho cụ L, cụ Ban. Đến khi cụ L, cụ Ban trăm tuổi già thì phần đất này ông sẽ được hưởng.

Ông đồng ý tách phần đất diện tích 1.627,5m^2 nằm trong thửa đất số 159, tờ bản đồ số 17, diện tích 10.385,6m^2 do cụ L đứng tên, nay sang cho bà X đứng tên. Chi phí tách quyền sử dụng đất bà X tự chịu. Phần còn lại sau khi tách thửa cho bà X, ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà X, ông T.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông **Hồ Văn T** trình bày*: Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà X. Ông đồng ý tách quyền sử dụng đất cho bà X phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.627,5m^2 và tách cho ông L 2.000m^2 nằm trong phần đất diện tích 10.385,6m^2 thuộc thửa đất số 159, tờ

bản đồ số 17 tọa lạc Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Hồ Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại sau khi tách quyền sử dụng đất cho bà X, ông L, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho năm người con của cụ L, cụ Ban, mỗi người một kỷ phần bằng nhau và ông xin được nhận đất. Đối với căn nhà trên đất ông không tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà **Ngô Thị G** trình bày*: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông L. Bà đồng ý tách phần đất diện tích 1.627,5m^2 nằm trong thửa đất số 159, tờ bản đồ số 17, diện tích 10.385,6m^2 do cụ L đứng tên, nay sang cho bà X đứng tên. Chi phí tách quyền sử dụng đất bà X tự chịu. Phần còn lại sau khi tách thửa cho bà X, bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà X, ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông **Hồ Văn H** trình bày:* Ông thống nhất với nội dung trình bày của ông L. Trước đây, cụ L, cụ Ban đã chia đất cho ông, bà X, bà H và ông T mỗi người 3.000m^2 đất rồi. Phần đất đang tranh chấp ông L đã sử dụng ổn định lâu dài và không ai tranh chấp. Năm 2015 chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bà X và ông T yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất H quả của ông bà mà khi cụ L, cụ Ban còn sống đã giao lại cho ông L quản lý, sử dụng, nên ông không đồng ý yêu cầu của bà X, ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà **Hồ Thị H** trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, ông T bà không có ý kiến gì. Khi còn sống cha của bà có cho bà một công rưỡi đất và bà đã chuyển nhượng cho bà X. Bà không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất cha, mẹ bà để lại và bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 649, 651 của Bộ luật dân sự; Các Điều 166, 203 của Luật đất đai; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn T.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự lập thủ tục để bà X được đăng ký cấp quyền sử dụng đất phần đất diện tích 1.627,5 m^2 trong thửa số 159, tờ bản đồ số 17, diện tích 10.385,6m^2 do cụ Hồ Văn L đứng tên (Có sơ đồ kèm theo).

Xác định phần đất diện tích 6.758,1 m^2 là di sản của cụ Hồ Văn L và cụ Trần Thị Ban để lại.

Giao cho ông Hồ Văn L được quản lý, sử dụng phần đất trên theo quy định của pháp luật.

Buộc ông L chia lại bà X, ông T mỗi người giá trị 1/5 phần đất diện tích 6.758,1 m^2 bằng tiền là 216.259.200đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2017, nguyên đơn Hồ Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Hồ Văn T có đơn kháng cáo cùng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà X và ông T được nhận kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất, không chấp nhận nhận tiền.

Ngày 01/11/2017, bị đơn ông Hồ Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn T, xác định di sản là quyền sử dụng đất của cụ Hồ Văn L và cụ Trần Thị Ban chỉ có 1.874,2m^2. Ông chỉ chia lại cho bà X, ông T mỗi người diện tích 374,84m^2. Bà X và ông T mỗi người phải trả lại tiền công sA lắp, cải tạo đất cho ông là 20.000.000 đồng và giá trị quy bằng tiền của những cây cối mà ông đã trồng là 5.000.000 đồng. Tổng cộng 25.000.000 đồng/người.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà X, ông T yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng đất. Ông Hồ Văn L thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông L không đồng ý chia thừa kế cho bà X, ông T.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị X trình bày: Về nguồn gốc đất, tại các biên bản hòa giải các đương sự thống nhất xác định của cha mẹ là cụ Hồ Văn L và cụ Trần Thị Ban, nên cơ sở xác định phần đất có diện tích 10.385,6m^2, đất vườn, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C là di sản của cụ L, cụ Ban.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà X xin nhận kỷ phần được thừa kế bằng đất để có lối đi vào diện tích 1.627,5m^2 vì diện tích đất này bà được công nhận nhưng không có lối đi.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, sửa án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

- Phần đất có diện tích 10.385,6m^2 thuộc thửa đất sô159, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Hồ Văn L ngày 13/02/2006. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ L có chín nhân khẩu.

- Căn cứ Điều 675 và Điều 735 của Bộ luật dân sự 2005 phần đất có diện tích 10.385,6m^2 là tài sản của hộ gia đình nên cụ L, cụ Ban chết không để lại di chúc thì di sản của cụ L, cụ Ban được chia cho các thừa kế của cụ L, cụ Ban.

- Án sơ thẩm công nhận diện tích 6.758,1m^2 là di sản của cụ L, cụ Ban là không đúng pháp luật.

- Tại tòa án cấp sơ thẩm các đương sự thống nhất tách phần diện tích đất 1.627,5m^2 cho bà X và 2.000m^2 cho ông L nhưng phần quyết định cấp sơ thẩm không công nhận diện tích đất 2.000m^2 cho ông L là thiếu sót.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của bà X, ông T xin nhận kỷ phần thừa kế bằng đất là không có căn cứ vì hiện bà X, ông T đã có đất canh tác không có nhu cầu sử dụng đất và nếu chia đất cho các bên đã có mâu thuẫn sẽ phát sinh mâu thuẫn vấn đề khác.

- Bà X yêu cầu chia đất để có lối đi vào phần đất 1.627,5m^2 là một quan hệ khác.

- Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận diện tích đất 2.000m^2 cho ông L theo thỏa thuận của các đương sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Viện kiểm sát không có bổ sung gì thêm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 10.385,6m^2 là di sản của cụ L, cụ Ban là đúng quy định và chia giá trị cho ông T bà X là có căn cứ. Quyết định án sơ thẩm không công nhận diện tích đất 2.000m^2 cho ông L là tH

sót. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận diện tích đất 2.000m^2 cho ông L, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, ông T, ông L. Giữ y án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị H, chị Nguyễn Hồ T đã được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan.

Về áp dụng pháp luật: Xét thời điểm mở thừa kế di sản của cụ L, cụ Ban vào năm 2011. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế vào ngày 01/4/2015. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì vụ kiện tranh chấp thừa kế này được áp dụng qui định Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về nội dung: Cụ Hồ Văn L (Chết năm 2011) và cụ Trần Thị Ban (Chết năm 2011) chung sống có năm người con gồm: Ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn L.

Quá trình chung sống cụ L, cụ Ban có tạo lập được phần đất có diện tích 10.385,6m^2 đất vườn, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Án sơ thẩm xác định di sản của cụ L, cụ Ban là diện tích đất 6.758,1m^2 và công nhận sự thỏa thuận các đương sự trừ diện tích 1.627,5m^2 thuộc thửa 159 có diện tích 10.385,6m^2 cho bà X được đăng ký Quyền sử dụng đất.

Ngoài ra các đương sự còn thỏa thuận thống nhất để ông L được đăng ký Quyền sử dụng đất có diện tích 2.000m^2 thuộc thửa đất 159, tờ bản đồ số 17 nhưng phần quyết định án sơ thẩm không công nhận là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự vẫn giữ nguyên thỏa thuận tại tòa án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để ông L được đăng ký Quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.000m^2 thuộc thửa đất 159, tờ bản đồ số 17.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn L, xét thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02189 ngày 13/02/2006 do Ủy ban nhân dân huyện

C cấp cho hộ cụ Hồ Văn L thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C. Đây là tài sản chung của hộ gia đình và theo xác nhận ngày 03 tháng 4 năm 2015 hộ cụ L có chín nhân khẩu.

Phần đất có diện tích 10.385,6m^2 do cụ L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi còn sống các cụ đã chia cho bà Hồ Thị H 1.500m^2, sau đó bà H chuyển nhượng cho bà X (đo đạc thực tế 1.627,5m^2) và cho ông L 2.000m^2. Các đương sự thống nhất không tranh chấp phần đất này và đồng ý tách quyền sử dụng đất cho bà X và ông L.

Đối với phần đất còn lại 6.758,1m^2 án sơ thẩm xác định là di sản của cụ L, cụ Ban và chia thừa kế làm năm kỷ phần là chưa chính xác vì:

Căn cứ Điều 735 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định "Hộ gia đình được Nhà nước giao đất nếu trong hộ có thành viên chết thì Quyền sử dụng đất của thành viên đó được để lại cho những thừa kế theo quy định"

Đối chiếu theo quy định trên thì di sản của cụ L, cụ Ban là 2/9, thuộc thửa 159 có diện tích 6.758,1m^2, cụ thể: 6.758,1m2/9 = 750,9m^2. Như vậy di sản của cụ L, cụ Ban là 1.501,8m^2.

Xét yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ Điều 675 của Bộ luật dân sự 2005 quy định "Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây: a) Không có di chúc;…". Đối chiếu quy định trên thì cụ L, cụ Ban chết không để lại di chúc nên di sản cụ L, cụ Ban được chia thừa kế theo pháp luật.

Như vậy di sản của cụ L, cụ Ban chia cho 05 kỷ phần. Tuy nhiên, căn cứ "Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế" của ông Nguyễn Văn H (Bút lục 177) thì ông H từ chối thừa kế nên di sản cụ L cụ Ban chia cho 04 kỷ phần mỗi kỷ phần được hưởng là 375,45m^2 (1.501,8m^2/4).

Căn cứ biên bản đo đạc định giá ngày 16/12/2015 thì phần đất thừa kế thuộc vị trí 3 khu vực 2 giá thực tế là 160.000đồng/m^2, giá trị kỷ phần được chia là: 375,45m^2 x 160.000đồng/m^2 = 60.072.000đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà X, ông T yêu cầu được nhận bằng đất, xét thấy: Phần đất thừa kế có diện tích 6.758,1m^2 hiện đang do ông L quản lý, canh tác, hưởng lợi, trên phần đất này còn có cây trồng, vật kiến trúc của ông L. Mặt khác, bà X, ông T đều đã có đất canh tác không có nhu cầu sử dụng đất và diện tích đất ông T, bà X được chia diện tích rất ít, không phù hợp cho việc canh tác.

Để đảm bảo quyền lợi cho ông L canh tác ổn định lâu dài cần chia giá trị cho ông T, bà X. Tiếp tục giao đất cho ông L quản lý canh tác đất.

Với những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà X, ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo của ông L có cơ sở một phần nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ không được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 674, 675, Điều 733, Điều 735 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn L. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 129/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn T.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự lập thủ tục để bà Hồ Thị X được đăng ký Quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 1.627,5m^2 thuộc thửa đất 159, tờ bản đồ số 17 có diện tích 10.385,6m^2 do cụ Hồ Văn L đứng tên.

Ông Hồ Văn L được đăng ký quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 2.000m^2 thuộc thửa đất 159, tờ bản đồ số 17 có diện tích 10.385,6m^2 do cụ Hồ Văn L đứng tên.

Xác định phần đất có diện tích 1.501,8m^2 là di sản của cụ ông Hồ Văn L và cụ Trần Thị Ban.

- Chia cho bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn T mỗi người giá trị kỷ phần thừa kế diện tích 375,45m^2 bằng tiền là **60.072.000**đồng (*Sáu mươi triệu không trăm bảy mươi H ngàn đồng)*.

- Buộc ông Hồ Văn L có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế chia cho bà X, ông T số tiền **60.072.000** đồng. Thực hiện trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Hồ Văn L được quản lý sử dụng phần đất 6.758,1m^2 thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp 4 xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời giA và số tiền chậm thi hành án.

Án phí:

- Bà X phải chịu 3.003.600đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà X đã nộp 2.500.000đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 12443; 12548; 14702 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn nộp tiếp 503.600đồng.

- Ông T phải chịu 3.003.600đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông T đã nộp 2.300.000đồng tạm ứng án phí theo các biên lai số 12549 ngày 06 tháng 7 năm 2015; biên lai thu số 14703 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn nộp tiếp 703.600đồng.

- Ông L phải chịu 3.003.600đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông L đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 14942 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn nộp tiếp 2.703.600đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 9 giờ ngày 03 tháng 4 năm 2018 có mặt bà X, ông T, ông L, bà G; Vắng mặt ông A, luật sư H và đại diện Viện kiểm sát viên.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAD huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy